TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **TAD QUẬN TÂY H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **3.8**/2023/QĐST-HNGĐ Ngày: 25-.-2023	*Tây H, ngày 25 tháng . năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 2., 213 và khoản . Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. ngày 30/./2016 của Ủy ba thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu h sơ việc dân sự sơ thẩm thụ L số: 313/2023/TLST-HNGĐ ngày 0././2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị L, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Số . phố . H, phường X La, quận Tây H, TP Hà Nội; Hiện trú tại: . đường số ., phường ., quận ., TP H Chí Minh.

- Ah Vũ Ah T, sinh năm 1983; ĐKHKTT và cư trú: Số . phố . H, phường X La, quận Tây H, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chị Lê Thị L và ah Vũ Ah T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/10/2017 tại Ủy ba nhân dân xã A M, huyện B L, tỉnh Hà Nam, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Ah, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chng chung sống được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong qua điểm, lối sống và cùng xác định tình cảm vợ chng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ah, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung**: Ah, chị có 02 con chung là Vũ Phương L, sinh ngày 20/3/2018 và Vũ Minh K, sinh ngày 21/10/2022.

Ah, chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Phương L và Minh K đến khi con chung thành niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Ah T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ(hai triệu đồng)/01cháu/01tháng, từ tháng 01/202. đến khi con chung thành niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Ah T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

không ai được cản trở. Thỏa thuận của ah, chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[3] **Về tài sản, nhà đất, công nợ chung**: Ah, chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[.] **Về các vấn đề khác**: Không có.

[5].Về lệ phí Tòa án: Ah T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về qua hệ hôn nhân**: Chị Lê Thị L và ah Vũ Ah T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Ah, chị có 02 con chung là Vũ Phương L, sinh ngày 20/3/2018 và Vũ Minh K, sinh ngày 21/10/2022.

Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Phương L và Vũ Minh K đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Ah T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/01cháu/01tháng, từ tháng 01/202. đến khi con chung thành niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Ah T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Ah, chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ah T tự nguyện nộp 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000. ngày 0././2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ba hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây H;
- CCTHADS quận Tây H;
-UBND xã A M, huyện B L, Hà Nam (số .7/2017);
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……/QĐST-HNGĐ[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[.]…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. ngày 30-.-2016 của Ủy ba Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu h sơ việc dân sự thụ L số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua:*[7].....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về qua hệ hôn nhân: .....

.....

- Về con chung: .....

.....

- Về tài sản chung: .....

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ba hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ qua đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (.) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ L việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ qua, tổ chức thì ghi tên cơ qua, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ qua, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].